

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST

Ngày 17-7-2019

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Tạo

Bà Võ Ngọc Các

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Chí Thúc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11, 17 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 94/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lý Thiên H, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Số H đường N, khóm H, phường M, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Hồ Kiêm Q, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: Số B đường N, khóm B phường C, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lê Quang V (có mặt) là luật sư của Công ty luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Số H (Tầng trệt) đường A, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 05 năm 2019, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Lý Thiên H trình bày:

Bà và ông Hồ Kiếm Q tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã P (nay là thành phố P), tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số 01/91, ngày 15/01/1991. Quá trình chung sống ông, bà có hai người con chung tên Hồ Khánh N (nam, sinh ngày 27/02/2002) và cháu Hồ Thiên L (nữ, sinh ngày 29/6/2010). Đồng thời ông, bà có tạo lập được tài sản chung nhưng tự thỏa thuận và không có nợ chung.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2017 thì bà H và ông Q thường xuyên mâu thuẫn cãi vã với nhau, nguyên nhân là do mâu thuẫn về tài chính, mâu thuẫn trong cách nuôi dạy con cái, ông Q có hành vi bạo lực gia đình cụ thể là đánh bà H, vợ chồng khác biệt về cách sống dẫn đến thiếu hiểu và thông cảm cho nhau, bà H thương các con cố gắng để vợ chồng hạnh phúc với nhau. Nhưng từ năm 2017 đến nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng hơn. Bà H đã nhiều lần tạo cơ hội để hàn gắn tình cảm nhưng ông Q không nắm bắt và không có thiện chí hàn gắn tình cảm với bà. Hiện nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được với nhau, cuộc sống chung của vợ chồng đã không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung cũng không thể kéo dài. Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hồ Kiếm Q.

Về con chung: Bà Lý Thiên H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung tên Hồ Khánh N (nam, sinh ngày 27/02/2002) và cháu Hồ Thiên L (nữ, sinh ngày 29/6/2010) cho đến khi cháu N, cháu L đủ tuổi 18 tuổi và không yêu cầu ông Hồ Kiếm Q thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Tại đơn thỉnh cầu đề ngày 28/6/2019, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Hồ Kiếm Q trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của vợ ông là bà Lý Thiên H về quá trình xác lập quan hệ hôn nhân, con chung. Về thời gian phát sinh mâu thuẫn thì ông không thống nhất. Mâu thuẫn giữa ông và bà H chỉ mới phát sinh năm 2018 chứ không phải phát sinh từ năm 2017. Nguyên nhân là do bà H không tôn trọng ông, mọi việc trong gia đình bà H tự ý quyết định, ông và bà H bán cho ông Lý Thanh H là em ruột của bà H một phần đất giá 03 tỷ đồng, ông H đã xây nhà ở mà chưa trả tiền đất, ông có hỏi về chuyện này thì bà H tỏ ra khó chịu, giận dữ và dọa sẽ ly hôn nhưng ông không tin vì nghĩ rằng cuộc sống vợ chồng không có

mâu thuẫn gì gay gắt. Ông Q cũng thừa nhận trước đây ông có hành vi bạo lực gia đình là đánh bà H nhưng gần đây thì không có. Ngoài ra, trong cuộc sống hàng ngày ông và bà H còn mâu thuẫn về tài chính và trong cách giáo dục, nuôi dạy con. Từ năm 2018 đến nay bà H và hai con chung đã về nhà mẹ ruột của bà ở số H đường N, khóm H, phường M, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng sinh sống. Từ đó, bà H bỏ mặt ông, chiếm giữ tất cả tài sản tiền bạc thu từ nhà trọ và cho thuê ruộng không chia cho ông khoản nào để chi tiêu sinh hoạt hàng ngày. Dù tài sản chung của vợ chồng khá nhiều, nhưng ông cam chịu cuộc sống khó khăn về kinh tế của bản thân tạm thời để cố gắng gìn giữ gia đình, mong bà H hiểu ra mọi việc để làm hòa và cùng nhau nuôi dạy con cái, xây dựng gia đình hạnh phúc. Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông không đồng ý, vì vẫn còn tình cảm với bà H.

Về con chung: Nếu phải ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hồ Thiên L (nữ, sinh ngày 29/6/2010) cho đến khi cháu L đủ tuổi 18 tuổi và không yêu cầu bà Lý Thiên H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông đồng ý giao con chung tên Hồ Khánh N (nam, sinh ngày 27/02/2002) cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi và ông không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cháu N.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà H có nhiều tài sản nhà, đất được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân. Ông được biết một số tài sản của ông và bà H có thể chấp Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay nợ nào đó mà bà H biết và đang nắm giữ các hồ sơ liên quan. Nếu phải ly hôn thì ông yêu cầu giải quyết phần nợ chung và chia tài sản chung của vợ chồng ông là số tiền ba tỷ đồng từ tiền bán đất cho em vợ ông tên H và các quyền sử dụng đất sau đây:

1/ Thừa đất số 483, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.540 m² tọa lạc khóm B, phường C, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX944901 do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp 20/01/2015 cho ông Hồ Kiêm Q, bà Lý Thiên H.

2/ Thừa đất số 492, tờ bản đồ số 13, diện tích 706,2 m² tọa lạc khóm B, phường C, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG654347 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp 04/4/2017 cho ông Trần Lê Thoại A, bà Nguyễn Thị Phương T. Đến ngày 09/10/2018 chuyển nhượng ông Hồ Kiêm Q, bà Lý Thiên H.

3/ Thừa đất số 21, tờ bản đồ số 13, diện tích 928,9m² và nhà ở gắn liền số B đường N, khóm B, phường 9, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng

nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 580109 do Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp 26/12/2003 cho ông Hồ Kiêm Q, bà Lý Thiên H.

4/ Thừa đất số 123, tờ bản đồ số 13, diện tích 321,0m² tọa lạc khóm B, phường C, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK116199 do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp năm 2007 cho ông Hồ Kiêm Q, bà Lý Thiên H.

5/ Thừa đất số 415, tờ bản đồ số 02, diện tích 4.000m² tọa lạc khóm B, phường C, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 0031QSĐĐ/58010904 do Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 08/6/1999 cho hộ ông Hồ Kiêm Q.

6/ Thừa đất số 19, tờ bản đồ số 13, diện tích 716,2m² tọa lạc khóm B, phường C, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận H1555 do Ủy ban nhân dân thị xã P cấp ngày 14/01/2005 cho bà Lý Thiên H.

7/ Thừa đất số 14, tờ bản đồ số 33, diện tích 8.500m² tọa lạc khóm M, phường N, thị xã (nay là thành phố) P, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 394859 do Ủy ban nhân dân thị xã P cấp ngày 12/3/2003 cho hộ bà Lý Thiên H.

8/ Thừa đất số 100, tờ bản đồ số 26, diện tích 4.899,4m² tọa lạc khóm H, phường N, thị xã (nay là thành phố) P, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0507QSĐĐ do Ủy ban nhân dân thị xã P cấp ngày 21/3/2003 cho hộ bà Lý Thiên H.

9/ Thừa đất số 4, tờ bản đồ số 33, diện tích 8.984m² tọa lạc khóm M, phường N, thị xã (nay là thành phố) P, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB096301 do Ủy ban nhân dân thị xã P cấp tháng 01/2005 cho hộ bà Lý Thiên H.

10/ Thừa đất số 96, tờ bản đồ số 28, diện tích 4.011m² tọa lạc khóm H, phường N, thị xã (nay là thành phố) P, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000236QSĐĐ/58010502 do Ủy ban nhân dân thị xã P cấp ngày 25/01/2002 cho hộ bà Lý Thiên H.

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Lê Quang V trình bày:*

Về tình cảm: Thông qua thủ tục hỏi tại phiên tòa cho thấy rằng ông Q và bà H vẫn còn tình cảm với nhau và lý do xin ly hôn mà bà H đưa ra chưa rõ

ràng. Căn cứ để ly hôn không rõ, hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân nhưng hai nhà cách nhau chỉ vài chục mét, hàng ngày bà H vẫn đến và trông coi nhà trọ nơi ông Q sinh sống nên thấy rằng về cơ hội để ông Q, bà H hàn gắn tình cảm vẫn còn. Mặt khác, theo quy định của pháp luật về căn cứ ly hôn là do có sai lầm, mẫu thuẫn vợ chồng đã được chính quyền địa phương hòa giải, hoặc tại các phiên tòa hòa giải nhưng không có kết quả. Do đó, về căn cứ ly hôn là chưa vững chắc.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống thì ông Q và bà H có một số tài sản chung cần xem xét chia trong cùng vụ án này.

Về nợ chung: Bà H cho rằng không có nợ chung, nhưng bà tự đứng tên vay tiền Ngân hàng N – Chi nhánh B Sóc Trăng và lấy tiền đem cho người em tên H mượn. Đồng thời người em của bà H tên H có mua đất của ông Q và bà H chưa trả tiền. Nếu tách riêng giải quyết bằng vụ án khác thì không đảm bảo quyền lợi cho ông Q và người thứ ba là Ngân hàng. Hơn nữa về thời hạn chuẩn bị xét xử của vụ án vẫn còn, đồng thời việc hoãn phiên tòa cũng là cơ hội để ông Q và bà H hàn gắn tình cảm và thỏa thuận với nhau về việc phân chia tài sản chung.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông Q biết nhưng không nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung vì muốn hòa giải với bà H, nếu đặt ra vấn đề chia tài sản chung thì khó hàn gắn tình cảm với bà H nên đến phiên tòa ông Q mới yêu cầu chia tài sản.

Về con chung: Đề nghị xem xét theo nguyện vọng của ông Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hồ Thiên L, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyền lợi về mọi mặt của đứa trẻ để phán quyết.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị: Hội đồng xét xử ngừng phiên tòa để ông Q, bà H nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung và đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giải quyết trong cùng vụ án này.

- Ý kiến của Kiểm sát viên viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về

phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Đối với yêu cầu chia tài sản của ông Q tại phiên tòa thấy rằng, trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông Q không có yêu cầu chia tài sản chung, tại phiên tòa ông Q mới đưa ra yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu này chưa được đóng tiền tạm ứng án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Việc yêu cầu chia tài sản chung sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác nếu ông Q có yêu cầu. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thiên H, về quan hệ hôn nhân của bà Lý Thiên H và ông Hồ Kiêm Q không vi phạm các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã P (nay là thành phố P), tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu bà H, ông Q chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi vã với nhau, mâu thuẫn về tài chính và trong cách nuôi dạy con cái, trong cuộc sống ông Q có hành vi bạo lực gia đình, vợ chồng thiếu quan tâm chăm sóc lẫn nhau nguyên nhân là do khác biệt về cách sống dẫn đến thiếu hiểu và thông cảm cho nhau. Tại tòa bà H xác định không còn tình cảm với ông Q, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không còn khả năng hàn gắn, bà H đã tạo cơ hội để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng ông Q không nắm bắt nên bà H kiên quyết xin ly hôn với ông Q. Ông Q không đồng ý ly hôn với bà H vì vẫn còn tình cảm với bà H. Tại phiên tòa ông Q đã xin lỗi và mong muốn hàn gắn tình cảm với bà H nhưng bà H không đồng ý, vì vợ chồng sống chung không còn hạnh phúc. Đồng thời, từ năm 2018 đến nay bà H và ông Q đã sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông Q.

[2] Về con chung: Bà Lý Thiên H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung tên Hồ Khánh N (nam, sinh ngày 27/02/2002) và cháu Hồ Thiên L (nữ, sinh ngày 29/6/2010) cho đến khi cháu N, cháu L đủ tuổi 18 tuổi và

không yêu cầu ông Hồ Kiếm Q thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Còn ông Hồ Kiếm Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hồ Thiên L (nữ, sinh ngày 29/6/2010), đến khi cháu L đủ 18 tuổi, không yêu cầu bà H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và đồng ý giao con chung tên Hồ Khánh N cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N. Xét thấy, tại phiên tòa ông Q và bà H đều xác định từ khi ông, bà sống ly thân với nhau từ năm 2018 đến nay, hai người con chung đều sống chung với bà H và do bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng về tâm sinh lý phát triển bình thường, được đi học đầy đủ. Đồng thời, tại biên bản nghị nhận ý kiến cùng ngày 22/5/2019 của cháu L, cháu N các cháu đều có nguyện vọng được sống chung với bà H. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà H giao hai cháu Hồ Khánh N (nam, sinh ngày 27/02/2002) và cháu Hồ Thiên L (nữ, sinh ngày 29/6/2010) cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu N, cháu L đủ tuổi 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu ông Q thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Không chấp nhận yêu cầu của ông Hồ Kiếm Q về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Hồ Thiên L.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H tự khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết và không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết chia tài sản chung. Còn ông Q thì cho rằng một số tài sản chung của ông và bà H đang thế chấp để vay tiền Ngân hàng, nhưng ông không biết rõ là Ngân hàng nào vì bà H là người nắm giữ hồ sơ liên quan và tại phiên tòa ông Q có yêu cầu giải quyết phần nợ chung và chia tài sản chung của vợ chồng ông là số tiền ba tỷ đồng từ tiền bán đất cho em vợ ông tên H và chia các quyền sử dụng đất sau đây:

- Thửa đất số 483, tờ bản đồ số 13, diện tích 1.540 m² tọa lạc khóm B, phường C, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX944901 do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp 20/01/2015 cho ông Hồ Kiếm Q, bà Lý Thiên H.

- Thửa đất số 492, tờ bản đồ số 13, diện tích 706,2 m² tọa lạc khóm B, phường C, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG654347 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp 04/4/2017 cho ông Trần Lê Thoại A,

bà Nguyễn Thị Phương T. Đến ngày 09/10/2018 chuyển nhượng ông Hồ Kiêm Q, bà Lý Thiên H.

- Thửa đất số 21, tờ bản đồ số 13, diện tích 928,9m² và nhà ở gắn liền số B đường N, khóm B, phường 9, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 580109 do Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp 26/12/2003 cho ông Hồ Kiêm Q, bà Lý Thiên H.

- Thửa đất số 123, tờ bản đồ số 13, diện tích 321,0m² tọa lạc khóm B, phường C, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK116199 do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp năm 2007 cho ông Hồ Kiêm Q, bà Lý Thiên H.

- Thửa đất số 415, tờ bản đồ số 02, diện tích 4.000m² tọa lạc khóm B, phường C, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 0031QSĐĐ/58010904 do Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 08/6/1999 cho hộ ông Hồ Kiêm Q.

- Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 13, diện tích 716,2m² tọa lạc khóm B, phường C, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận H1555 do Ủy ban nhân dân thị xã P cấp ngày 14/01/2005 cho bà Lý Thiên H.

- Thửa đất số 14, tờ bản đồ số 33, diện tích 8.500m² tọa lạc khóm M, phường N, thị xã (nay là thành phố) P, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 394859 do Ủy ban nhân dân thị xã P cấp ngày 12/3/2003 cho hộ bà Lý Thiên H.

- Thửa đất số 100, tờ bản đồ số 26, diện tích 4.899,4m² tọa lạc khóm H, phường N, thị xã (nay là thành phố) P, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0507QSĐĐ do Ủy ban nhân dân thị xã P cấp ngày 21/3/2003 cho hộ bà Lý Thiên H.

- Thửa đất số 4, tờ bản đồ số 33, diện tích 8.984m² tọa lạc khóm M, phường N, thị xã (nay là thành phố) P, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB096301 do Ủy ban nhân dân thị xã P cấp tháng 01/2005 cho hộ bà Lý Thiên H.

- Thửa đất số 96, tờ bản đồ số 28, diện tích 4.011m² tọa lạc khóm H, phường N, thị xã (nay là thành phố) P, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000236QSĐĐ/58010502 do Ủy ban nhân dân thị xã P cấp ngày 25/01/2002 cho hộ bà Lý Thiên H.

[4] Do trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và trước khi Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử thì ông Hồ Kiếm Q không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với các tài sản này, mặt khác yêu cầu của ông Q cũng chưa được đóng tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 146 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 25 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét giải quyết tại phiên tòa. Việc chia tài sản chung này sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác nếu ông Hồ Kiếm Q có yêu cầu.

[5] Như đã phân tích nêu trên, lời đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung vụ án là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lý Thiên H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lý Thiên H và ông Hồ Kiếm Q

2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng:

2.1. Giao con chung tên Hồ Khánh N (nam, sinh ngày 27/02/2002) và cháu Hồ Thiên L (nữ, sinh ngày 29/6/2010) hiện đang sống chung với bà H tại

số H đường N, khóm H, phường M, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu N, cháu L đủ tuổi 18 tuổi.

2.2. Ông Hồ Kiếm Q không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Hồ Kiếm Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lý Thiên H và ông Hồ Kiếm Q không có yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung theo quy định của pháp luật nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lý Thiên H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007486 ngày 04/5/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; Bà Lý Thiên H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Hồ Kiếm Q không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSNDTPST;
- Chi cục THADSTPST;
- Ủy ban nhân dân phường B, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Bích Tuyền